

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36COT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121L067100702 - H ấ h c L ấ c ng H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3610401014	L36COT1	L ấ TR NG NGH ấ	16/11/1993				3.0	1.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
2	3610401026	L36COT1	NGUY N THANH TR N G	12/11/1990				5.0	3.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
3	3610401040	L36COT1	H S M NH	09/09/1989				10.0	7.0		8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	DAU (HL.HE (2012-2013))
4	3610401079	L36COT1	L ấ ấ NG KHOA	10/10/1988				3.0	2.0		2.5	0.8	4.0	2.8	3.6	
5	3610401095	L36COT1	H V ấ PHONG	06/12/1989				1.0	3.0		2.0	0.6	4.0	2.8	3.4	
6	3610401104	L36COT1	NG Y NG C KHANH	20/02/1989				3.0	1.0		2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
7	3610401105	L36COT1	L ấ ấ C B O	15/11/1990				0.0	2.0		1.0	0.3	3.0	2.1	2.4	
8	3610401135	L36COT1	PH M XU ấ N NG ấ N	18/08/1988				4.0	2.0		3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
9	3610401142	L36COT1	NGUY N B ấ TH NG	15/07/1991				0.0	2.0		1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
10	3610401150	L36COT1	NGUY N VINH QUANG	21/08/1986				4.0	2.0		3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
11	3610401154	L36COT1	H H U TU N	12/04/1987				5.0	1.0		3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	

T ng s : 11 h c sinh sinh v ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o V ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa